**PHỤ LỤC**

*(**Kèm theo Quyết định số 13/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ………… V/v đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan | *……….., ngày …. tháng …. năm……* |

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số ……/2018/QĐ-TTg ngày… tháng.... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) báo cáo và kính đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với trường hợp sau đây:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN**

1. Tên doanh nghiệp:...........................................................................................................

2. Địa chỉ trụ sở chính:.........................................................................................................

3. Số điện thoại: ………………………………………Fax:.....................................................

4. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:...................................................................................

5. Vốn điều lệ, thông tin về quan hệ sở hữu, điều hành, các cổ đông chính.

6. Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, xếp hạng tín nhiệm, phân loại nợ.

**II. THÔNG TIN VỀ KHOẢN TÍN DỤNG ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN**

1. Báo cáo rõ giá trị, thời gian giải ngân, thời gian vay vốn, loại tiền và mục đích của khoản cấp tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn; văn bản phê duyệt cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng.

2. Thông tin cơ bản về dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị được cấp tín dụng vượt giới hạn[[1]](#_ftn1): Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, hồ sơ pháp lý (giấy chứng nhận đầu tư, quyết định phê duyệt, sự phù hợp với quy hoạch...), tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, các tổ chức tín dụng tham gia tài trợ và các thông tin liên quan khác.

- Trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị cấp hạn mức vốn lưu động: Tóm tắt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ kế hoạch (Doanh thu, chi phí, lợi nhuận), xác định vòng quay vốn, xác định nhu cầu vốn lưu động bình quân, khả năng đáp ứng bằng vốn tự có, tổng nhu cầu vốn đề nghị cấp tín dụng tại hệ thống các tổ chức tín dụng (trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng), vốn khác.

- Trường hợp cấp tín dụng trung, dài hạn để thực hiện nhiều dự án nhỏ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm của doanh nghiệp: Nêu rõ tổng số dự án doanh nghiệp thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; tổng nhu cầu vốn tín dụng trung, dài hạn của doanh nghiệp tại hệ thống các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án, trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng, nhu cầu vốn của từng dự án.

3. Sự phù hợp với quy hoạch, tầm quan trọng, ý nghĩa của dự án, phương án sản xuất kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế xã hội; ý nghĩa của khoản cấp tín dụng đối với kế hoạch, chiến lược kinh doanh, phát triển khách hàng của tổ chức tín dụng.

4. Tình hình thu xếp hợp vốn đối với khoản cấp tín dụng.

5. Ý kiến thẩm định của tổ chức tín dụng về năng lực hoạt động của khách hàng, tính khả thi, hiệu quả của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, hình thức bảo đảm tiền vay, các rủi ro có thể phát sinh, phương án phòng ngừa rủi ro, xử lý rủi ro và đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

**III. TÌNH HÌNH QUAN HỆ TÍN DỤNG**

- Nêu rõ tình hình quan hệ tín dụng hiện tại về cam kết, giải ngân, thu nợ, lịch sử vay trả nợ; tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác.

- Điền và đính kèm mẫu biểu về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

**IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

- Tình hình vốn tự có tại thời điểm gần nhất.

- Tình hình thực hiện quy định hiện hành về các tỷ lệ bảo đảm an toàn tại thời điểm gần nhất; đánh giá tác động của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đến các tỷ lệ bảo đảm an toàn này.

- Tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng vay vốn đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (nếu có).

- Tình hình tuân thủ quy định hiện hành về ngoại hối trong trường hợp khoản cấp tín dụng liên quan đến nhu cầu vốn bằng ngoại tệ.

- Tình hình thực hiện quy định tổng các khoản vượt giới hạn không được vượt quá bốn lần vốn tự có.

**V. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

1. Kiến nghị rõ loại hình cấp tín dụng vượt giới hạn mà tổ chức tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa tương ứng thuộc một trong ba trường hợp sau:

a) Đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô:

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 15% vốn tự có đối với một khách hàng với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 15% vốn tự có là...(1)...để...(2)...

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... để...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 15% vốn tự có đối với khách hàng và vượt 25% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 15% vốn tự có là...(1)...và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... để... (2)....

b) Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với một khách hàng với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)...để...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 50% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 50% vốn tự có là...(1)... để...(2)....

- Cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn 25% vốn tự có đối với khách hàng và vượt 50% vốn tự có đối với khách hàng và người có liên quan với mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 25% vốn tự có là...(1)... và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa vượt 50% vốn tự có là...(1)... để... (2)....

2. Cam kết tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) xin cam kết tự xem xét, quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng và thu hồi nợ vay; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong văn bản đề nghị, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc các quy định tại Quyết định số …../2018/QĐ-TTg ngày.....tháng.... năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi gửi:*** - Như trên;  - … | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)* |

***Ghi chú:***

(1) Ghi rõ số tiền theo nguyên tệ, tỷ lệ % tính trên vốn tự có;

(2) Mục đích của khoản cấp tín dụng.

**Mẫu biểu số 01**

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH QUAN HỆ TÍN DỤNG**

**VÀ NHU CẦU CẤP TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN***(Ngày... tháng... năm...)*

Vốn tự có tại ngày…../…./......

*Đơn vị: Tỷ đồng, USD, EURO, JPY...*

*Tỷ giá tại thời điểm...: USD/VND...*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khách hàng** | **Loại tiền** | **Dư nợ cấp tín dụng** | | | | **Số tiền còn phải cấp tín dụng theo hợp đồng đã ký** | **Nhóm nợ** | **Nhu cầu cấp tín dụng mới** | **Mức cấp tín dụng tối đa đề nghị** | **Ghi chú (Ghi rõ: Mục đích sử dụng vốn. Đối với các khoản cấp tín dụng đã được phê duyệt, đề nghị ghi rõ số Công văn, ngày, tháng phê duyệt...)** |
| **Cho vay** | **Bảo lãnh** | **Cấp tín dụng khác** | **Tổng số** |  |  |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10)=(6)+(7)+(9) |  |
| **1. Khách hàng A** | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chi tiết theo loại tiền** | **VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **USD** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| (Trong đó chi tiết theo HĐ cấp tín dụng) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1. Ngắn hạn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| + Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2. Trung, dài hạn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| + Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Người có liên quan của khách hàng A** | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chi tiết theo loại tiền** | **VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **USD** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **...** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| (Trong đó chi tiết theo người có liên quan. Xác định người có liên quan theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Công ty mẹ, các công ty con của cùng một công ty mẹ...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1. Công ty A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1.1. Ngắn hạn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| + Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1.2. Trung, dài hạn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| + Hợp đồng cấp tín dụng... ký ngày... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2. Công ty A2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng (1.) và (2.)** | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số theo loại tiền** | **VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **USD** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP BIỂU** *(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)* | **KIỂM SOÁT** | *……., ngày.... tháng.... năm....* **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)* |

**Mẫu biểu số 02**

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN ĐỐI VỚI KHOẢN VAY VƯỢT GIỚI HẠN***(Tháng ... năm...)*

*Đơn vị tính: Tỷ đồng, nguyên tệ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khách hàng** | **Mã số thuế/ CMND** | **Loại tiền** | **Số tiền được phê duyệt** | **Tổng mức dư nợ cấp tín dụng** | | | | **Số tiền còn cấp tín dụng theo HĐTD đã ký** | **Tổng mức dư nợ CTD/ VTC (%)** | **Nhóm nợ** | **Dự phòng đã trích** | **Bảo đảm tiền vay** | | **Công văn phê duyệt của NHNN** | **Ghi chú (mục đích sử dụng vốn, thời hạn,...)** |
| **Cho vay** | **Bảo lãnh, mở L/C** | **Cấp tín dụng khác** | **Tổng số** |  |  |  |  | **Hình thức bảo đảm** | **Giá trị sổ sách** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| **1** | **Khách hàng A (=1.1+1.2+...)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | **Khoản vay 1**  (Chi tiết theo loại tiền) |  | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| USD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 | **Khoản vay 2**  (Chi tiết theo loại tiền) |  | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| USD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Khách hàng B (= 2.1+ 2.2+...)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | **Khoản vay 1**  (Chi tiết theo loại tiền) |  | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| USD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | **Khoản vay 2**  (Chi tiết theo loại tiền) |  | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| USD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Chú thích:***

1. Tỷ giá ………tại thời điểm ……/……./……..

2. Vốn tự có của TCTD tại thời điểm……./……./……..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP BIỂU** *(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)* | **KIỂM SOÁT** | *……., ngày.... tháng.... năm....* **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)* |

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Tổ chức tín dụng báo cáo tình hình cấp tín dụng vượt giới hạn đối với cả các khoản cấp tín dụng theo Quyết định này và các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực.

- Đối với mỗi khoản vay và khách hàng được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (5) ghi rõ hạn mức tín dụng vượt giới hạn được chấp thuận đối với từng khoản cho vay và hạn mức cấp tín dụng tối đa đối với khách hàng đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, cột (16) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

- Cột (9) = Cột (6) + cột (7) + cột (8).

- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).

- Cột (14): Ghi rõ thông tin hình thức bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.

- Cột (17) Ghi chú: Ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),....

- Nơi nhận: Tổ chức tín dụng lập thành 2 bản báo cáo, 1 bản gửi về Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, 1 bản gửi về Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Địa chỉ: 25 Lý Thường Kiệt - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.

**Mẫu biểu số 03**

**TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN***(Tháng... năm...)*

*Đơn vị tính: Tỷ đồng, nguyên tệ*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khách hàng** | **Mã số thuế/ CMND (Hộ Chiếu)** | **Loại tiền** | **Mức cấp tín dụng tối đa đã được phê duyệt** | **Tổng mức dư nợ cấp tín dụng** | | | | **Số tiền còn cấp tín dụng theo HĐTD đã ký** | **Tổng mức dư nợ CTD/ VTC (%)** | **Nhóm nợ** | **Dự phòng đã trích** | **Bảo đảm tiền vay** | | **Công văn phê duyệt của NHNN** | **Ghi chú (Mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn,...)** |
| **Cho vay** | **Bảo lãnh, mở L/C** | **Cấp tín dụng khác** | **Tổng số** |  |  |  | **Hình thức bảo đảm** | **Giá trị sổ sách** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) |
| 1 | **Khách hàng A và người có liên quan đến A (=1.1 + 1.2)** (Chi tiết theo loại tiền) |  | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| USD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Khách hàng A  (Chi tiết theo loại tiền) |  | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| USD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Người có liên quan đến A (= Công ty A1 + A2+ ...)  (Chi tiết theo loại tiền) |  | **Quy VND** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| USD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Công ty A1 |  | VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| USD |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Công ty A2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Khách hàng B và người có liên quan đến B (=2.1 + 2.2)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **....** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Chú thích:***

1. Tỷ giá ……….tại thời điểm ……./……../…………

2. Vốn tự có của TCTD tại thời điểm....../...../........

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LẬP BIỂU** *(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)* | **KIỂM SOÁT** | *……., ngày.... tháng.... năm....* **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)* |

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Tổ chức tín dụng báo cáo tình hình cấp tín dụng vượt giới hạn đối với cả các khoản cấp tín dụng theo Quyết định này và các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực.

- Đối với mỗi khách hàng và/hoặc một khách hàng và người có liên quan được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (05) ghi rõ hạn mức tín dụng vượt giới hạn được chấp thuận đối với khách hàng và/hoặc khách hàng và người có liên quan, cột (16) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

- Cột (9) = Cột (6) + cột (7) + cột (8).

- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).

- Cột (14) Về tài sản bảo đảm: Ghi rõ thông tin về việc bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.

- Cột (17): Các tổ chức tín dụng ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay; thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),...

- Nơi nhận: Tổ chức tín dụng lập thành 2 bản báo cáo, 1 bản gửi về Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, 1 bản gửi về Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Địa chỉ: 25 Lý Thường Kiệt - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội.

[[1]](#_ftnref1) Bao gồm cả các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện từ nguồn vốn phát hành trái phiếu.